



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**  
**BAC MINH DEVELOPMENT INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY**

**Địa chỉ:** Số 3, An Dương, Phường Hồng Hà, Thành phố Hà Nội

**Điện thoại:** (024) 37764615

**Website:** sbm.com.vn

**Email:** bacminh.sbm@gmail.com

# **QUY CHẾ QUẢN TRỊ**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**



*Hà Nội, tháng 04 năm 2026*

# MỤC LỤC

## QUY CHẾ QUẢN TRỊ

<b>CHƯƠNG I. QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>1</b>
Điều 1. Những căn cứ pháp lý .....	1
Điều 2. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh.....	1
Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt .....	2
<b>CHƯƠNG II. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>2</b>
<b>MỤC 1: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>2</b>
Điều 4. Quyền hạn của cổ đông.....	2
Điều 5. Nghĩa vụ của các cổ đông .....	4
Điều 6. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	5
<b>MỤC 2: TRÌNH TỰ THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</b> .....	<b>6</b>
Điều 7. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông .....	6
Điều 8. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.....	9
Điều 9. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông .....	9
Điều 10. Mời họp Đại hội đồng cổ đông.....	10
Điều 11. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông .....	11
Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông .....	11
Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	14
Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua.....	14
Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông .....	17
Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 19. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.....	18
<b>CHƯƠNG III. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>19</b>
<b>MỤC 1: TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>19</b>
Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị.....	19
Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị .....	21
<b>MỤC 2: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</b> .....	<b>23</b>
Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị .....	23

Điều 23. Các cuộc họp Hội đồng quản trị .....	26
Điều 24. Chủ tọa và biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị .....	27
Điều 25. Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị.....	29
Điều 26. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị .....	30
<b>CHƯƠNG IV. BAN KIỂM SOÁT .....</b>	<b>31</b>
Điều 27. Ban Kiểm soát.....	31
Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên .....	31
Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát.....	32
Điều 30. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát .....	33
Điều 31. Trách nhiệm của Kiểm soát viên .....	33
Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên.....	34
<b>CHƯƠNG V. GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC .....</b>	<b>34</b>
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý .....	34
Điều 34. Giám đốc công ty .....	35
Điều 35. Phó Giám đốc công ty.....	36
Điều 36. Chế độ họp, báo cáo.....	36
<b>CHƯƠNG VI. MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, ĐIỀU HÀNH .....</b>	<b>37</b>
Điều 37. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát.....	37
Điều 38. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc .....	38
Điều 39. Mối quan hệ làm việc giữa Ban Giám đốc và Ban kiểm soát .....	39
Điều 40. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.....	40
<b>CHƯƠNG VII. CÔNG BỐ THÔNG TIN .....</b>	<b>42</b>
Điều 41. Nguyên tắc công bố thông tin.....	42
<b>CHƯƠNG VIII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH .....</b>	<b>42</b>
Điều 42. Hiệu lực thi hành.....	42

55  
T  
I  
T  
IN  
H

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BẮC MINH**

**CHƯƠNG I**  
**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Những căn cứ pháp lý**

Quy chế quản trị của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh (sau đây gọi là Công ty) được xây dựng dựa trên những căn cứ pháp lý sau đây:

Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành có liên quan;

Thông tư 116/2020/TT - BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ - CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

**Điều 2. Phạm vi, đối tượng điều chỉnh**

1. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh và Cổ đông; thẩm quyền, nghĩa vụ, phương thức hoạt động của các Phòng, Ban, Nhà máy thủy điện Công ty và các cán bộ điều hành; thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp; quy định các quy trình, thủ tục phối hợp hoạt động giữa Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong quá trình quản trị Công ty

2. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc, Cổ đông và những người có liên quan chịu sự điều chỉnh của Quy chế này.

3. Các văn bản, quy chế, quy định về quản trị Công ty cổ phần đầu tư phát triển

Bắc Minh đã ban hành trước đây có nội dung trái với Quy chế này đều không còn hiệu lực

4. Trong trường hợp có mâu thuẫn giữa các quy định tại Quy chế này với Điều lệ Công ty và/hoặc Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành thì những quy định tại Điều lệ Công ty và/hoặc Luật doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn thi hành được ưu tiên áp dụng.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ và chữ viết tắt**

1. **Công ty:** là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh
2. **Phòng, Ban, Nhà máy thủy điện (NMTĐ):** Các Phòng, Ban chức năng, các Nhà máy thủy điện trực thuộc Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.
3. **Các doanh nghiệp khác:** Các tổ chức kinh tế hoạt động theo Luật Doanh nghiệp mà Công ty có góp vốn đầu tư hoặc sở hữu vốn, sở hữu cổ phần.
4. **Luật Doanh nghiệp:** Luật Doanh nghiệp đang có hiệu lực thi hành.
5. **Luật chứng khoán:** Luật chứng khoán đang có hiệu lực thi hành.
6. **Đại hội đồng cổ đông:** Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.
7. **Hội đồng quản trị:** Hội đồng Quản trị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.
8. **Ban kiểm soát:** Ban Kiểm soát của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh.

## **CHƯƠNG II CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **MỤC 1: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

#### **Điều 4. Quyền hạn của cổ đông**

1. Cổ đông phổ thông có quyền sau đây:
  - a) Tham dự, phát biểu trong cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty, pháp luật quy định. Mọi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
  - b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
  - c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong công ty;
  - d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp quy

định tại khoản 3 Điều 120, khoản 1 Điều 127 của Luật doanh nghiệp và quy định khác của pháp luật có liên quan;

đ) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định;

g) Khi công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại công ty.

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

k) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

l) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau đây:

a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác của Hội đồng quản trị theo thủ tục do Hội đồng quản trị Công ty quy định, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;;

b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 115 và Điều 140 Luật doanh nghiệp 2020;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.



3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác (nếu có) được quy định tại Điều lệ công ty.

Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, việc đề cử được thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông tự thỏa thuận bằng văn bản và hợp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

5. Quyền khác theo quy định của Luật doanh nghiệp

#### **Điều 5. Nghĩa vụ của các cổ đông**

1. Các cổ đông có các nghĩa vụ sau:

a) Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

b) Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

1216  
NG  
PH  
PHÁ  
M  
HỒ

c) Tuân thủ Điều lệ và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

d) Chấp hành nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

đ) Bảo mật các thông tin được công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ công ty và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.

2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định tại Điều lệ này hoặc theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty.

3. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a) Vi phạm pháp luật;

b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.

d) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty

4. Trách nhiệm của Cổ đông lớn:

a) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây tổn hại đến các quyền, lợi ích của Công ty và các Cổ đông khác.

b) Cổ đông lớn có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của Pháp luật.

#### **Điều 6. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;

b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; Quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;

c) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;

e) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của công ty, bãi miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;

g) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;

h) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;

i) Quyết định chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

k) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;

l) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

m) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

n) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

o) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

## **MỤC 2: TRÌNH TỰ THỦ TỤC TRIỆU TẬP VÀ TIẾN HÀNH HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

### **Điều 7. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:

- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty;
- đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
- g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- o) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thực hiện;
- p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản Công ty trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp trong trường hợp giá trị hợp đồng, giao dịch bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều lệ này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát còn lại theo quy định tại Điểm b khoản 3 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm c, d Khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật doanh nghiệp.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

6. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:



- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 2, 3 và 4 Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

### **Điều 8. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của Công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý Công ty phải cung cấp kịp thời thông tin sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; đồng thời chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông do Hội đồng quản trị Công ty quy định trên cơ sở thực hiện theo quy định tại pháp luật.

### **Điều 9. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 16.2 Điều 16 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông hoặc thông tin tương đương, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;
- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

#### **Điều 10. Mời họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông trong Sổ đăng ký cổ đông của công ty hoặc danh sách cổ đông lưu ký tại Công ty chứng khoán, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

2. Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty ở địa chỉ [www.sbm.com.vn](http://www.sbm.com.vn) hoặc địa chỉ khác trong trường hợp công ty thay đổi địa chỉ website. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tải về tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;
- b) Phiếu biểu quyết;



## **Điều 11. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp cổ đông là tổ chức chưa có người đại diện theo ủy quyền quy định tại Điều 14 của Luật Doanh nghiệp thì ủy quyền cho người khác dự họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự theo mẫu do Công ty quy định và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện điện tử khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

## **Điều 12. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết;

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên;

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai, nếu Điều lệ công ty không quy định khác. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 142 của Luật doanh nghiệp.



### **Điều 13. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông**

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu tiếp theo, số thẻ biểu quyết Không có ý kiến được thu cuối cùng,, sau đó đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm tạm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu Chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;

3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều khiển cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp;

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua việc gia hạn thời hạn công bố kết quả kiểm phiếu;

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi;

7. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có các quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền người được phân công phụ trách an ninh cuộc họp của Công ty duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 ngày làm việc, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc;

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.



10. Trường hợp Công ty áp dụng các ứng dụng công nghệ thông tin để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

#### **Điều 14. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ Công ty;
- b) Định hướng phát triển Công ty;
- c) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- d) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát;
- đ) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
- g) Tổ chức lại, giải thể Công ty.

#### **Điều 15. Điều kiện để nghị quyết được thông qua**

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 Điều này:

- a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- đ) Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- e) Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 Điều này.

0102  
CÔ N  
CỔ I  
TƯ PH  
BẮC  
PH

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua. Việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử [www.sbm.com.vn](http://www.sbm.com.vn) của Công ty.

#### **Điều 16. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 của Luật doanh nghiệp;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến, nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 141 của Luật doanh nghiệp. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 143 của Luật doanh nghiệp;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá

nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;



e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử [www.sbm.com.vn](http://www.sbm.com.vn) của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

#### **Điều 17. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông**

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
- e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được ưu tiên áp dụng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

4. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

### **Điều 18. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 152 của Luật doanh nghiệp;

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

### **Điều 19. Hiệu lực các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông**

1. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.

2. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật doanh nghiệp và Điều



lệ công ty;

3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp, nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

### **CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

#### **MỤC 1: TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

##### **Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 133 của Luật doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1, 3 Điều 167 của Luật doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và

655  
3 T  
HÀN  
ÁT T  
MIN  
5 H

người quản lý quan trọng khác do Điều lệ công ty quy định; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Giám đốc hoặc Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể công ty; yêu cầu phá sản công ty;

q) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Khi thực hiện chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình, Hội đồng quản trị tuân thủ đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp nghị quyết do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật hoặc Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên theo khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.

5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

## **Điều 21. Quyền hạn và nhiệm vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm chức Giám đốc công ty.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị (bao gồm cả thành viên độc lập) là 05 năm, các thành viên Hội đồng quản trị được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế trừ trường hợp thành viên Hội đồng quản trị độc lập. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của Công ty (nếu có) không được bầu lại quá 02 nhiệm kỳ. Số thành viên Hội đồng quản trị phải thường trú ở Việt Nam ít nhất là 03 người.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, cụ thể:.

Phân công, phân nhiệm cho các thành viên Hội đồng quản trị;

Thay mặt Hội đồng quản trị phê duyệt các chủ trương về kế hoạch, ngân sách, tài chính, chỉ đạo điều hành và giám sát công tác điều hành của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý.

Phê duyệt tất cả các thay đổi, phát sinh so với các kế hoạch, ngân sách, tài chính mà Hội đồng quản trị đã phê duyệt.

Phê duyệt dự toán, lựa chọn nhà thầu các hạng mục xây dựng có giá trị trên 1 tỷ đồng, các hạng mục thiết bị trên 500 triệu đồng, các hạng mục tư vấn trên 200 triệu đồng;

Phê duyệt nội dung các hợp đồng xây dựng có giá trị trên 1 tỷ đồng, các hạng mục thiết bị trên 500 triệu đồng, các hạng mục tư vấn trên 200 triệu đồng;

Ký ban hành quyết định về cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ và các cơ chế, chính sách của Công ty; các văn bản ủy quyền, phân cấp phân quyền của Ban Giám đốc và các bộ phận quản lý khác của Công ty thực hiện các công việc nhằm phục vụ lợi ích của Công ty theo thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

Cử đại diện chủ sở hữu quản lý phần vốn góp, cổ phần tại các Công ty con, công ty liên kết, đề cử, bổ nhiệm, phân cấp phần quyền cho Chủ tịch hội đồng thành viên, chủ tịch HĐQT tại các công ty con, người đứng đầu Chi nhánh, Văn phòng đại diện, Công ty con;

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

6. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký Công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Giúp việc tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Giúp việc thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Giúp việc Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Giúp việc công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;

đ) Giúp việc công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.

7. Người phụ trách quản trị công ty

7.1. Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất 01 người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

7.2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

7.3. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông.

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban Kiểm soát.

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.

d) Tham dự các cuộc họp.

đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật.

e) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban Kiểm soát.

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty.

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan.

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm.

## **MỤC 2: TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

### **Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị**

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 (năm) thành viên gồm: 01 Chủ tịch chuyên trách, 04 thành viên.

2. Các Hội đồng quản trị thi hành các nhiệm vụ do Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị phân công.

3. Thành viên của Hội đồng quản trị phải đạt những tiêu chuẩn sau:

a) Không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của Công ty và không nhất thiết là cổ đông của Công ty;

c) Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác nhưng tối đa không quá 05 công ty khác.



4. Phải tuyên bố công khai các lợi ích, kê khai trung thực các mối quan hệ kinh doanh của bản thân, người có liên quan và tuyên bố này phải được thông báo trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và niêm yết công khai tại trụ sở của Công ty và Chi nhánh của Công ty, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 5% vốn điều lệ.

5. Việc kê khai các lợi ích quy định tại các khoản 4 trên đây phải được thực hiện trong 07 (bảy) ngày làm việc kể từ khi phát sinh lợi ích liên quan. Việc sửa đổi, bổ sung phải được khai báo với Công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có bổ sung, sửa đổi tương ứng.

6. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách nếu không đáp ứng được các quy định về tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 3 Điều này và/hoặc vi phạm quy định sau:

a) Trong thời gian đảm nhiệm chức vụ đã có những lỗi nghiêm trọng và/hoặc gây nên sự cố dẫn đến thua lỗ cho Công ty hoặc ảnh hưởng lớn đến uy tín của Công ty;

b) Không đủ sức khoẻ để hoàn thành nhiệm vụ được giao;

c) Vi phạm nghiêm trọng Luật Doanh nghiệp, cụ thể gồm:

- Bị truy cứu, bị kết tội về các tội danh: buôn lậu, trốn thuế, tham ô biển thủ tài sản của Công ty; hối lộ, nhận hối lộ, thất thoát lãng phí tài sản công; chiếm đoạt tài sản của Công ty cho người khác;

- Kê khai không trung thực lý lịch kinh doanh của mình và những người liên quan với mình;

- Không tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị của Công ty nhằm mục đích ký kết các hợp đồng kinh tế, dân sự có tính chất tư lợi;

- Có hành vi chuyển dịch cơ hội kinh doanh của Công ty cho cá nhân, tổ chức khác để thu lợi cho bản thân và người liên quan, gây thiệt hại cho Công ty;

- Tiết lộ bí mật kinh doanh của Công ty, trừ khi được Chủ tịch Hội đồng quản trị cho phép hoặc buộc phải tiết lộ theo quy định của pháp luật, theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

d) Mất, hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự và có những bằng chứng pháp lý chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi;

9552  
3 T Y  
HÀN  
ÁT T  
MIN  
5 H

đ) Vắng mặt liên tục 2 kỳ họp của Hội đồng quản trị hoặc không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị trong 6 tháng liên tục mà không được sự chấp thuận của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền;

e) Bị Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm, miễn nhiệm;

g) Đại diện cho cổ đông là pháp nhân khi pháp nhân bị mất tư cách pháp nhân, pháp nhân bị giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

h) Bị cổ đông là pháp nhân rút quyền đại diện;

i) Thành viên có đơn xin từ chức gửi đến trụ sở chính của Công ty.

k) Công ty bị giải thể, phá sản theo quyết định của toàn án hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

7. Các trường hợp thành viên HĐQT bị miễn nhiệm theo quy định ở Khoản 6 Điều này phải ngừng điều hành công việc kể từ khi:

a) Bị Toà án tuyên bố hoặc có những bằng chứng pháp lý chứng minh là mất hoặc hạn chế năng lực hành vi dân sự

b) Bị toà án tuyên bố là có tội đối với các tội danh: buôn lậu, trốn thuế, tham ô biển thủ tài sản của Công ty; hối lộ, nhận hối lộ, thất thoát lãng phí tài sản công; chiếm đoạt tài sản của Công ty cho người khác.

c) Cổ đông là pháp nhân có văn bản đề nghị rút quyền đại diện gửi đến Hội đồng quản trị;

d) Cổ đông là pháp nhân mà thành viên đó đại diện bị tuyên bố mất tư cách pháp nhân (bị giải thể, phá sản hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp);

8. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm phải được Đại hội đồng cổ đông quyết định và thông qua bằng nghị quyết

9. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

a) Thành viên Hội đồng quản trị có thể uỷ quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác để thay thế hoặc một người bất kỳ nào khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn để thay thế mình và có quyền bãi miễn người thay thế. Việc uỷ quyền và bãi miễn này phải lập thành văn bản. Thành viên thay thế có quyền được họp và thực hiện các chức năng được chỉ định thay thế nhưng không được nhận bất kỳ một khoản thù lao nào từ Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị.

b) Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị hoặc người thay thế đi công tác nước ngoài, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp cho họ nếu họ không thông báo địa chỉ có thể nhận thông báo tại Việt Nam;

c) Thành viên thay thế phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và các lỗi vi phạm của mình như một thành viên chính thức.

10. Thành viên kiêm nhiệm: Các thành viên Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm các chức danh quản lý ở Công ty (trừ thành viên Ban Kiểm soát) hoặc ở các cơ quan khác nhưng không vi phạm Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật; Các thành viên này có trách nhiệm hoàn thành nghĩa vụ và trách nhiệm điều hành của mình đồng thời không được làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các trách nhiệm của một thành viên Hội đồng quản trị.

### **Điều 23. Các cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc họp bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của Công ty hoặc ở nơi khác.

2. Ngoài việc triệu tập họp thường kỳ mỗi quý ít nhất họp 01 lần, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải thông báo triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường, không được có bất kỳ sự trì hoãn bất hợp lý nào, khi có một trong các đối tượng sau đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a) Ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;
- b) Giám đốc hoặc ít nhất năm người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của Ban Kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

3. Thời gian triệu tập họp Hội đồng quản trị:

a) Cuộc họp thường kỳ: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm lập chương trình nghị sự, thông báo về thời gian và địa điểm họp cho các thành viên Hội đồng quản trị chậm nhất 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi đến các thành viên được lập thành văn bản bằng Tiếng Việt; các tài liệu về các vấn đề bàn bạc tại cuộc họp, phiếu bầu cho các thành viên không thể dự họp phải được gửi kèm theo thông báo

b) Cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường: Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được tiến hành trong vòng 7 (bảy) ngày sau khi nhận được đề nghị. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo bằng văn bản tiếng Việt kèm theo các tài liệu cần thiết tới các thành viên Hội đồng quản trị 03 (ba) ngày trước ngày khai mạc;

c) Nếu quá các thời hạn nêu trong Điều này, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo quy định thì Hội đồng quản trị sẽ tự động họp và cuộc họp sẽ được coi là hợp lệ nếu đáp ứng điều kiện về số thành viên dự họp theo Khoản 1, Điều 24 Quy chế này.

d) Người gửi thông báo triệu tập họp phải có bằng chứng chứng minh về việc người được triệu tập họp đã nhận được thông báo.

4. Người triệu tập họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp khác việc triệu tập họp Hội đồng quản trị sẽ theo quy định của Điều lệ Công ty.

5. Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa điểm là trụ sở đã đăng ký của Công ty hoặc ở địa điểm khác tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài do người triệu tập họp quyết định.

6. Hội đồng quản trị có thể tổ chức họp theo hình thức trực tuyến giữa các thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện các phương tiện nghe nhìn có thể đảm bảo để mỗi thành viên Hội đồng tham gia có thể nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp, có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham gia họp. Các thành viên tham gia họp trực tuyến này được coi là có mặt.

Địa điểm của cuộc họp Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 6 điều này là địa điểm có nhiều nhất số thành viên Hội đồng quản trị nhất tham dự họp và nếu không có nhóm tập họp đông nhất của các thành viên Hội đồng quản trị thì địa điểm diễn ra cuộc họp là địa điểm có sự hiện diện của Chủ tọa cuộc họp.

Các nghị quyết thông qua tại các cuộc họp Hội đồng quản trị tổ chức bằng hình thức này sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp.

7. Những người được mời họp dự thính: Kiểm soát viên; Giám đốc và các cán bộ quản lý khác trong Công ty, chuyên gia của Bên thứ ba có thể được tham gia cuộc họp theo Giấy mời của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định về việc mời người họp dự thính.

#### **Điều 24. Chủ tọa và biểu quyết trong các cuộc họp Hội đồng quản trị**

1. Cuộc họp được coi là có giá trị pháp lý khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị cử thay thế tham dự.

2. Chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được Chủ tịch Hội đồng quản trị uỷ quyền bằng văn bản. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt và không uỷ quyền thì các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp bầu một người làm chủ tọa cuộc họp.

3. Biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết;

b) Nghị quyết của Hội đồng quản trị được thông qua khi có đa số phiếu biểu quyết. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 của Điều này;

c) Chỉ có thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được thành viên Hội đồng quản trị uỷ quyền mới có quyền biểu quyết. Những người dự thính, khách mời không được biểu quyết;

d) Khi biểu quyết những vấn đề có liên quan đến những hợp đồng kinh tế, dân sự mà thành viên Hội đồng quản trị dự họp là bên ký kết hợp đồng hoặc có người có

liên quan là một bên ký kết thì họ không được biểu quyết và không tính vào số đại biểu có mặt khi biểu quyết để tính tỷ lệ;

đ) Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản. Văn bản biểu quyết của thành viên vắng mặt phải được gửi Chủ tịch Hội đồng quản trị/Chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp.

4. Thông qua nghị quyết Hội đồng quản trị dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị bằng việc thông báo nội dung và phiếu biểu quyết bằng văn bản. Sau khi nhận được các phiếu lấy ý kiến, Tổ thư ký lập biên bản việc kiểm phiếu trình Chủ tịch Hội đồng quản trị để thông qua nghị quyết.

5. Những quyết định phải được Hội đồng quản trị thông qua với đa số phiếu biểu quyết chấp thuận. Với những quyết định được đề cập trong Khoản này, trường hợp số phiếu biểu quyết bằng nhau thì lá phiếu của Chủ tịch Hội đồng quản trị không có tính chất quyết định như đã đề cập ở Điểm b khoản 3 Điều này và phải tổ chức biểu quyết lại.

a) Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động và mục tiêu chiến lược trên cơ sở các mục đích chiến lược do Hội đồng quản trị thông qua;

c) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;

d) Đề xuất việc tái cơ cấu hoặc giải thể Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hay bất kỳ các bộ quản lý hoặc người đại diện nào của Công ty nếu Hội đồng quản trị cho là vì lợi ích của Công ty. Tuy nhiên, việc bãi nhiệm đó không được trái với các quyền theo Hợp đồng lao động của những người bị bãi nhiệm (nếu có);

e) Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý Công ty theo đề nghị của Giám đốc và quyết định mức lương của họ;

g) Giải quyết các khiếu nại của Công ty về cán bộ quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý có liên quan đến cán bộ quản lý đó;

h) Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;

i) Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;

k) Quyết định giá bán trái phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;



1) Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời.

6. Những người được mời họp dự thính không được biểu quyết trừ khi bản thân họ có quyền biểu quyết như một thành viên của Hội đồng quản trị.

7. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị:

a) Hội đồng quản trị có Tiểu ban Thư ký hoặc Tổ Thư ký/Thư ký (trong trường hợp Hội đồng quản trị không quyết định thành lập Tiểu ban Thư ký để giúp việc) giúp việc để ghi chép đầy đủ nội dung cuộc họp Hội đồng quản trị vào sổ biên bản;

b) Chủ tọa và Thư ký phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản họp Hội đồng quản trị;

c) Biên bản họp Hội đồng quản trị phải có các nội dung:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh;

- Thời gian và địa điểm họp;

- Họ tên thành viên tham dự và thành viên được uỷ quyền;

- Chương trình cuộc họp ;

- Các vấn đề thảo luận và biểu quyết;

- Kết quả biểu quyết;

- Tóm tắt phát biểu ý kiến tại cuộc họp, diễn biến cuộc họp, các ý kiến tranh luận;

- Các quyết định đã được Hội đồng quản trị thông qua;

- Chữ ký có ghi rõ tên của tất cả các thành viên hoặc đại diện theo uỷ quyền dự họp.

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

## **Điều 25. Đảm bảo vật chất cho hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy, phương tiện vật chất kỹ thuật và con dấu của Công ty để thực hiện chức năng quản lý của mình.

2. Văn phòng Công ty có trách nhiệm nhận và chuyển các tài liệu của Hội đồng quản trị. Những văn bản của cơ quan cấp trên hoặc cơ quan chức năng Nhà nước thuộc trách nhiệm xử lý của Hội đồng quản trị được gửi tới thường trực Hội đồng quản trị. Những văn bản có tính chất điều hành thuộc quyền xử lý của Giám đốc thì sao gửi cho thường trực Hội đồng quản trị để theo dõi;

3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với Giám đốc để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao. Thời gian làm việc, chất

vấn, trao đổi phải có kế hoạch trước ít nhất 03 (ba) ngày, không để ảnh hưởng đến công tác điều hành hoạt động hàng ngày của Giám đốc;

4. Thành viên Hội đồng quản trị có thể trực tiếp làm việc, chất vấn, trao đổi với, các Giám đốc chi nhánh, những người đại diện phần vốn góp của Công ty tại các Công ty có vốn góp của Công ty, các Trưởng, phó Phòng, ban, NMTĐ của Công ty để nắm tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao sau khi đã thông báo cho Giám đốc biết. Thời gian làm việc, chất vấn, trao đổi phải có kế hoạch trước ít nhất 03 (ba) ngày, không để ảnh hưởng đến công tác điều hành hoạt động hàng ngày của các cán bộ quản lý trong Công ty.

#### **Điều 26. Kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị**

1. Hội đồng quản trị được Đại hội đồng cổ đông quyết định trích một khoản kinh phí từ doanh thu hoạt động của Công ty đảm bảo hoạt động cho Hội đồng quản trị và được tính vào chi phí quản lý của Công ty, được quyết toán hàng năm trong Báo cáo tài chính.

2. Việc chi tiêu của Hội đồng quản trị phải tuân thủ những nguyên tắc sau:

a) Phục vụ công việc quản lý, bao gồm:

- Chi phí các cuộc họp Hội đồng quản trị, chi phí đi lại, ăn, ở, trong thời gian họp;

- Chi phí tìm kiếm thị trường, xúc tiến thương mại hoặc đàm phán ký kết hợp đồng giao dịch của Công ty: Thành viên Hội đồng quản trị đi công tác trong và ngoài nước phải được Chủ tịch Hội đồng quản trị chấp thuận;

- Chi phí tư vấn.

b) Thiết thực, hiệu quả, tiết kiệm, minh bạch.

c) Đảm bảo thù lao tương xứng cho các thành viên trong Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định phê duyệt các khoản chi phục vụ cho hoạt động của Hội đồng quản trị trong phạm vi khoản Ngân sách đã được Đại hội đồng cổ đông đồng ý trích làm kinh phí cho hoạt động của Hội đồng quản trị.

4. Các thành viên Hội đồng quản trị được nhận thù lao, tiền thưởng và chi phí khác. Tổng mức thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị nằm trong số kinh phí hoạt động của Hội đồng quản trị và cũng do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có kiêm nhiệm chức danh quản lý điều hành khác trong Công ty ngoài hưởng lương và lợi ích từ chức danh quản lý điều hành đó vẫn được hưởng thù lao của thành viên Hội đồng quản trị.

6. Tùy theo kết quả kinh doanh của Công ty, ngoài thù lao, thành viên Hội đồng quản trị được nhận một khoản tiền thưởng. Tổng mức thưởng cho Hội đồng quản trị do

Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị chỉ xem xét và thưởng cho từng thành viên trong phạm vi mức thưởng đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

## **CHƯƠNG IV BAN KIỂM SOÁT**

### **Điều 27. Ban Kiểm soát**

1. Ban Kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 năm và Kiểm soát viên có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp và không thuộc các trường hợp sau:

a) Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

b) Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

4. Trưởng Ban Kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến báo cáo Ban Kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội cổ đông;

### **Điều 28. Tiêu chuẩn và điều kiện của Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác;

d) Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Các tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ này.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, Kiểm soát viên Công ty không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước (nếu có) tại công ty mẹ và tại công ty.

### **Điều 29. Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm soát**

1 Ban kiểm soát có các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp;

2 Các quyền và nghĩa vụ khác bao gồm:

a. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

c. Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác.

d. Điều phối và đảm bảo việc phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông hiệu quả tuân thủ Điều lệ và quy định của pháp luật.

đ. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

e. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

g. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

h. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

i. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật

### **Điều 30. Quyền được cung cấp thông tin của Ban Kiểm soát**

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban Kiểm soát hoặc Ban Kiểm soát.

### **Điều 31. Trách nhiệm của Kiểm soát viên**

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các Khoản 52.1, 52.2, 52.3 và 52.4 Điều 52 Điều lệ Công ty mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì Hội đồng quản trị phải thông báo bằng văn bản đến Ban Kiểm



soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

### **Điều 32. Miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên**

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Các trường hợp khác do Điều lệ này quy định.

2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty;

d) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

3. Trong nhiệm kỳ, cổ đông pháp nhân có quyền thay đổi người đại diện quản lý phần vốn đang là thành viên Ban Kiểm soát theo yêu cầu của cổ đông pháp nhân hoặc do người đại diện đó bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trong trường hợp này, cổ đông pháp nhân đó được quyền đề cử chức danh thành viên Ban Kiểm soát. Cổ đông pháp nhân phải gửi văn bản thông báo về việc thay thế người đại diện của mình cho Hội đồng quản trị Công ty trước 15 ngày để Hội đồng quản trị Công ty xem xét, trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, bổ nhiệm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 174, Luật Doanh nghiệp.

## **CHƯƠNG V GIÁM ĐỐC, CÁN BỘ QUẢN LÝ KHÁC**

### **Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý**

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Giám đốc, một hoặc một số Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Hệ thống quản lý của công ty được phân cấp quản lý như sau:

1. Công ty mẹ

a) Cấp lãnh đạo: Hội đồng quản trị

.16  
NG  
PH  
PHÁ  
: M  
10

Hội đồng quản trị là cơ quan lãnh đạo, điều hành của Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị, Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Giám đốc và các cán bộ quản lý khác.

b) Cấp quản trị điều hành: Ban Giám đốc

Ban Giám đốc hoạt động theo cơ chế tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các thành viên Ban giám đốc được quy định theo phân cấp nhiệm vụ điều hành và thẩm quyền ký duyệt của Công ty.

c) Cấp quản lý: Trưởng các phòng, ban, Giám đốc các nhà máy

Trưởng các phòng, ban (hoặc chức danh tương đương) và Giám đốc các nhà máy thực hiện các công việc quản lý và chuyên môn theo phân công nhiệm vụ của Ban giám đốc và giúp Ban giám đốc điều hành các hoạt động trong phạm vi đơn vị mình phụ trách

2. Công ty con, công ty liên kết thuộc Công ty mẹ

Các công ty con, công ty liên kết hoạt động theo mô hình hoạt động độc lập. Việc phân cấp điều hành thực hiện theo ngành dọc (điều hành về chuyên môn), do các phòng ban chuyên môn của Công ty mẹ kiểm soát về chuyên môn và theo ngành ngang (điều hành về quản lý, quản trị) do Hội đồng quản trị, Giám đốc công ty quản lý trực tiếp.

**Điều 34. Giám đốc công ty**

1. Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.

2. Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá 05 năm; có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

Tiêu chuẩn và điều kiện của Giám đốc áp dụng theo quy định tại Khoản 1, 2 Điều 64 và Khoản 5, Điều 162 của Luật Doanh nghiệp.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;

d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

e) Quyết định tiền lương và quyền lợi khác đối với người lao động trong công ty kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Giám đốc;

g) Tuyển dụng lao động;

h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;

i) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và nghị quyết của Hội đồng quản trị.

4. Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

5. Đối với Công ty, Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp, Kiểm soát viên của công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại công ty và công ty mẹ;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.

### **Điều 35. Phó Giám đốc công ty**

Hội đồng quản trị bổ nhiệm các Phó Giám đốc theo đề nghị của Giám đốc Công ty, Phó giám đốc chịu trách nhiệm giúp việc và chịu sự quản lý điều hành của Giám đốc Công ty và trực tiếp phụ trách một hoặc một số chức năng, lĩnh vực hoạt động của Công ty theo sự phân công, chỉ đạo trực tiếp của Giám đốc công ty và chịu trách nhiệm về hiệu quả công tác trước Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc.

### **Điều 36. Chế độ họp, báo cáo**

Giám đốc chủ trì các cuộc họp định kỳ hàng tháng và bất thường (theo quyết định của Giám đốc hoặc có yêu cầu từ Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị) với các cán bộ quản lý của Công ty để đánh giá hoạt động hoặc triển khai các chỉ đạo của Hội đồng quản trị và triển khai các kế hoạch công việc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể tham gia các cuộc họp của Ban Giám đốc để nắm bắt thông tin, phục vụ hoạt động điều hành và kiểm soát.



Các cuộc họp và các ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc phải được lập thành Biên bản và gửi đến cán bộ tham gia cuộc họp và lưu giữ tại trụ sở Công ty.

Trong các kỳ họp của Hội đồng quản trị, ban Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị về tiến độ thực hiện kế hoạch sản xuất, kinh doanh, kết quả triển khai các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết của Hội đồng quản trị và đề xuất kế hoạch kinh doanh, các giải pháp thực hiện để đảm bảo kế hoạch và nội dung khác nhằm phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc.

## **CHƯƠNG VI**

### **MỐI QUAN HỆ LÀM VIỆC GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, ĐIỀU HÀNH**

#### **Điều 37. Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm Soát**

Mối quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát là mối quan hệ giữa hoạt động quản trị của Công ty với hoạt động kiểm soát tính tuân thủ nhằm đảm bảo mọi hoạt động quản trị, điều hành của Công ty đều thể hiện tính hợp lý, minh bạch, trung thực, tuân thủ chính sách của Công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với quy định của Pháp luật hiện hành.

Nguyên tắc phối hợp thực hiện các chức năng quyền hạn nhiệm vụ giữa công tác quản trị, công tác điều hành và công tác kiểm soát được phân công rõ ràng có sự phối hợp đồng bộ nhưng phân biệt rõ chức năng và trách nhiệm của các vị trí công tác.

Công tác quản trị thực hiện việc đề ra các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động, thiết lập tầm nhìn chiến lược và chiến lược phát triển Công ty theo từng giai đoạn và các chiến lược dài hạn của Công ty.

Công tác kiểm soát của Ban kiểm soát là giám sát việc triển khai các chủ trương chính sách, cơ chế hoạt động và chiến lược phát triển Công ty, giám sát hoạt động điều hành của Ban Giám đốc đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật, tuân thủ Điều lệ công ty không gây tổn hại đến lợi ích của Công ty và của cổ đông

Nguyên tắc cơ bản của công tác kiểm soát chung và kiểm soát nội bộ là không gây cản trở các hoạt động sản xuất kinh doanh và không trực tiếp can thiệp vào công tác điều hành của các đơn vị, kiểm soát tham gia tư vấn, giám sát và tham mưu trong việc chấn chỉnh công tác quản lý đơn vị và Công ty.

#### **1. Quan hệ phối hợp**

a) Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thiết lập, áp dụng và duy trì cơ chế phối hợp trực tiếp trong hoạt động điều hành thông qua các cuộc họp Hội đồng quản trị, trong đó quá trình quản trị điều hành nhằm đảm bảo Ban kiểm soát luôn có đủ thông tin cần thiết để thực thi chức năng kiểm tra, giám sát, kiểm soát tính tuân thủ và thông

báo ngay cho Hội đồng quản trị khi phát hiện có nội dung không phù hợp để Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh kịp thời;

b) Ban kiểm soát tư vấn cho Hội đồng quản trị trong việc ban hành các chủ trương, chính sách điều hành Công ty, kiến nghị Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm trong niên độ tài chính đảm bảo quản lý hiệu quả các nguồn lực;

## 2. Quan hệ kiểm soát – Giám sát

a) Ban Kiểm soát thay mặt Đại hội đồng cổ đông giám sát Hội đồng quản trị trong quản lý và điều hành Công ty. Ban kiểm soát kiểm tra, giám sát tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; việc thực hiện các quy chế quản lý nội bộ đã được ban hành nhằm bảo vệ lợi ích cho Công ty và Cổ đông;

b) Ban Kiểm soát có thẩm quyền kiểm tra sự tuân thủ của Hội đồng quản trị theo Pháp luật, theo các nghị quyết và quyết định của Đại hội đồng cổ đông; thẩm tra hiệu quả quản lý của Hội đồng quản trị;

c) Ban Kiểm soát có quyền tham gia tất cả các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng Quản trị nhằm kiểm tra tính hợp pháp và hợp lệ về trình tự tiến hành cuộc họp, trình tự ra quyết định của Hội đồng quản trị nhằm đảm bảo lợi ích của Cổ đông;

d) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, cung cấp đúng hạn và đầy đủ thông tin liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị;

đ) Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả;

e) Ban Kiểm soát có trách nhiệm thông báo kịp thời cho Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động kiểm soát của mình đồng thời làm việc với Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị với Đại hội đồng cổ đông;

### **Điều 38. Mọi quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm và chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng Quản trị về công việc được giao.

Mọi quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Giám đốc là mối quan hệ giữa quản trị Công ty và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày.

Quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc như sau:

a) Theo quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty, Hội đồng quản trị thực hiện chức năng quản trị với nhiệm vụ hoạch định chiến lược, chính sách, Ban Giám đốc thực hiện chức năng điều hành, triển khai thực hiện chiến lược đã được Hội đồng quản trị thông qua;

b) Hội đồng quản trị cùng với Ban Giám đốc thống nhất các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn trên cơ sở thỏa mãn lợi ích của Công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua và các phương pháp, cách thức tiên hành và các giải pháp để đạt được mục tiêu đề ra;

c) Giám đốc và các bộ phận quản lý chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty để trình Hội đồng quản trị. Khi tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện có vấn đề không phù hợp với Pháp luật hiện hành thì Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định đó;

d) Ban Giám đốc có quyền chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Giám đốc như được quy định tại Điều lệ công ty; quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó, đồng thời phải báo ngay cho Hội đồng quản trị biết;

đ) Ba (03) tháng và hàng năm, Ban Giám đốc phải gửi báo cáo về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cho Hội đồng quản trị, kiến nghị những vấn đề cần được Hội đồng quản trị giải quyết trong phạm vi thẩm quyền và mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch trong thời gian tới;

e) Khi xảy ra hoặc nhận thấy có nguy cơ biến động bất thường lớn, Ban Giám đốc cần kịp thời báo cáo đột xuất bằng văn bản hoặc bằng các phương tiện thông tin nhanh nhất cho Hội đồng quản trị để Hội đồng quản trị có biện pháp xử lý kịp thời;

g) Ban Giám đốc được tham gia các cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị để báo cáo tiến độ triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị, đồng thời kiến nghị, góp ý xây dựng các chủ trương chính sách của Hội đồng quản trị phù hợp với tình hình thực tiễn của Công ty;

h) Hội đồng quản trị thiết lập cơ chế thanh tra kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm kiểm soát việc triển khai thực hiện các chủ trương chính sách của Hội đồng quản trị;

### **Điều 39. Mối quan hệ làm việc giữa Ban Giám đốc và Ban kiểm soát**

Mối quan hệ làm việc giữa Ban kiểm soát với Ban Giám đốc là mối quan hệ giữa hoạt động kiểm soát tính tuân thủ và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

#### **1. Quan hệ phối hợp:**

Quan hệ phối hợp được thực hiện trên cơ sở thông tin hai chiều giữa Ban kiểm soát và Ban Giám đốc. Ban Giám đốc chủ động cung cấp các thông tin về hoạt động điều hành, Ban Kiểm soát chủ động xem xét và đưa ra ý kiến tư vấn cho Ban Giám đốc trong hoạt động điều hành

#### **2. Quan hệ kiểm soát và giám sát:**

a) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Ban Giám đốc hoặc cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty phục vụ hoạt động kiểm tra, giám sát;

b) Ban kiểm soát có quyền xem xét tính tuân thủ và tính hợp nhất trong việc ra quyết định của Ban Giám đốc và đánh giá sự phối hợp giữa các thành viên Ban Giám đốc và giữa Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý;

c) Ban Kiểm soát có quyền tham gia vào các cuộc họp của Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý hoặc yêu cầu Ban Giám đốc triệu tập họp bất thường để thông báo các vấn đề phát sinh trong quá trình kiểm tra giám sát mà Ban Kiểm soát nhận thấy đã vi phạm quy định của Pháp luật, quy định của Công ty hoặc gây thiệt hại/có nguy cơ gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty và Cổ đông;

d) Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cung cấp thông tin và tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban Giám đốc thực hiện chức năng nhiệm vụ;

đ) Khi phát hiện thấy có những điểm không phù hợp trong hoạt động điều hành của Ban điều hành, Ban Kiểm soát thông báo bằng văn bản cho Ban Giám đốc yêu cầu điều chỉnh những điểm không phù hợp đó;

**Điều 40. Trách nhiệm trung thực, tránh các xung đột về quyền lợi của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác**

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật doanh nghiệp và các văn bản Pháp luật có liên quan. Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan thực hiện theo Điều 43 của Điều lệ Công ty.

2. Trách nhiệm của người quản lý công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

102  
CỔ  
CỔ  
TƯ  
HỮU  
HẠN  
CÔNG TY  
PH

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho công ty về doanh nghiệp mà họ và người có liên quan của họ làm chủ hoặc có phần vốn góp, cổ phần chi phối; thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

đ) Các nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Hợp đồng, giao dịch phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận

a) Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận:

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp quy định tại Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

b) Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng phải thông báo các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; đồng thời kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng hoặc giao dịch trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

c) Đại hội đồng cổ đông chấp thuận hợp đồng, giao dịch sau đây:

- Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản b Điều này;
- Hợp đồng, giao dịch vay, cho vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất giữa công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản c Điều này, người đại diện công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.

d) Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết hoặc thực hiện mà chưa được chấp thuận theo quy định tại Khoản 45.2 và Khoản 45.3 Điều 45 Điều lệ Công ty, gây thiệt hại cho Công ty; người ký kết hợp đồng, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

## **CHƯƠNG VII CÔNG BỐ THÔNG TIN**

### **Điều 41. Nguyên tắc công bố thông tin**

1. Công ty có nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời định kỳ và bất thường về tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị Công ty cho Cổ đông và công chúng. Ngoài ra, Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin khác nếu các thông tin đó có khả năng ảnh hưởng đến giá chứng khoán và ảnh hưởng đến quyết định của Cổ đông, nhà đầu tư.

2. Việc công bố thông tin của Công ty được thực hiện theo các quy định của Pháp luật hiện hành.

## **CHƯƠNG VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 42. Hiệu lực thi hành**

1. Quy chế này gồm 8 Chương và 42 Điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh thông qua ngày 24 tháng 04 năm 2026.

2. Quy chế này là duy nhất và chính thức của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh. Các văn bản khác do Công ty ban hành trái với nội dung Quy chế này không còn hiệu lực thi hành. Các văn bản dưới ban hành không được trái với các nội dung trong Quy chế này;

3. Quy chế có hiệu lực kể từ ngày ký;

4. Khi áp dụng Quy chế này, nếu có phát sinh những vấn đề chưa được đề cập trong quy chế quản trị của Công ty cổ phần đầu tư phát triển Bắc Minh, thì được quyền căn cứ theo Điều lệ tổ chức và hoạt động; Luật doanh nghiệp để giải quyết trên cơ sở vì lợi ích chung của Công ty và không trái Pháp luật;

5. Trong trường hợp có những quy định mới của của Pháp Luật, Điều lệ Công ty khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định mới đó đương

nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động quản trị của Công ty. Sau đó phải đưa các vấn đề phát sinh ra kỳ họp Hội đồng quản trị gần nhất để thông qua việc sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

T/M. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 



**Nguyễn Thị Thanh Hương**

